TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/HC–PT
Ngày 26 tháng 01 năm 2024
"V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;
Ông Đặng Văn Hưng.

- Thư ký phiên toà: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 752/2023/TLPT–HC ngày 11 tháng 11 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", do có kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC–ST, ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 338/2024/QĐ–PT ngày 08 tháng 01 năm 20243, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn T, Chuyên viên pháp lý Công ty L, Đoàn Luật sư tỉnh H; có mặt.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn xin xét xử vắng mặt.
2. UBND xã C, huyện N, Hà Tĩnh; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- *Người khởi kiện ông* Nguyễn Văn D *và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

Ông D có diện tích 10.000m^2 đất khai hoang phục hóa từ năm 1985; đã bỏ công sức tôn tạo, bảo quản, tu bổ cải tạo, bồi đắp đất, cùng các công trình xây dựng trên đất, cụ thể: Đã đào đắp, san lấp cải tạo 9.000m^3 đất, đã trồng 75 cây bạch đàn và cây tràm, 20 cây tre, 01 ngôi nhà xây gạch lợp ngói có móng làm bằng đá hộc với diện tích 30m^2 xây vào năm 2001. Ngày 21/4/2022 Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định số 1322/QĐ-XPVPHC đối với ông D trong lĩnh vực đất đai không đúng Luật Xử lý vi phạm hành chính; ngày 07/5/2022 ông D đã có đơn khiếu nại nhưng Chủ tịch UBND huyện N không giải quyết dẫn đến việc Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 2062/QĐ-CCXP ngày 22/6/2022 là trái pháp luật. Theo các quyết định trên thì diện tích 6.696,1m^2 đất không xác định được cụ thể địa chỉ nào của xã C nên xác định ông D vi phạm trong lĩnh vực đất đai là chưa đúng. Trong quyết định chỉ mới ghi được số tài sản ông D trồng là 50 cọc bê tông, 03 đường giây thép gai, 01 cổng ra vào, 52 cây xoài, 57 cây na; 15 cây mít; 35 cây chuối; 30 cây lộc vừng; 01 cây sao đen là chưa phản ánh đúng tài sản trên đất.

Ngày 07/9/2022 ông D đã có thông báo cho ông Phan Đình C, Chủ tịch xã C về việc bị đau, đang nằm và điều trị bệnh tại Bệnh viện Đa khoa thành phố V, tỉnh Nghệ An nên đề nghị xin hoãn việc cưỡng chế đất và tài sản tên đất theo Thông báo số 40/TB-UBND nhưng UBND xã C vẫn tiến hành cưỡng chế mà không có mặt ông D.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 101, Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, khoản 1 và khoản 5 Điều 20, điểm e khoản 2 và khoản 4 Điều 21, Điều 22 Nghị định số 43 ngày 15/5/2014 của Chính phủ, điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 Quyết định 72/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh H, được sửa đổi bổ sung bởi Quyết định 57/2016/QĐ-UBND có quy định đất khai hoang phục hóa, sử dụng ổn định, không có tranh chấp và không vi phạm Luật Đất đai kể từ năm 1985 đến 01/7/2004 lại nay, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ); nếu Nhà nước thu hồi thì phải bồi thường về đất và các giá trị tài sản trên đất cho ông D.

Vì vậy, ông D khởi kiện yêu cầu:

+ Hủy Quyết định số 1322/QĐ-XPHC ngày 21/4/2022 và Quyết định số 2062/QĐ-CCXP ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

- Yêu cầu UBND huyện N bồi thường 250.000.000 đồng do hậu quả của Quyết định số 1322/QĐ-XPHC ngày 21/4/2022 và Quyết định số 2062/QĐ-CCXP ngày 22/6/2022 đã gây ra.

- *Người bị kiện Chủ tịch* UBND huyện N *và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* UBND huyện N *trình bày:*

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Theo bản đồ 299 đo đạc năm 1986 thì vị trí khu đất liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính thuộc một phần của thửa đất

số 274, tờ bản đồ 04, diện tích 5.200m^2, loại đất KTCB, chủ sử dụng đất là UBND xã. Theo bản đồ địa chính xã C đo đạc năm 2014 thuộc một phần thửa đất số 215, số 196 và số 174, tờ bản đồ số 27 do UBND xã C quản lý. Phòng T có Văn bản số 159/TNMT ngày 9/4/2022 khẳng định thửa đất số 196, số 174, số 215 thuộc tờ bản đồ số 27, bản đồ địa chính xã C đo đạc năm 2014 là đất đất nông nghiệp, không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn do UBND xã C quản lý. Trên các thửa đất nêu trên có một số cây như bạch đàn, cây tràm, chuối, xoài, na, mít … do một số người dân xã C trồng từ những năm 2004, 2005. Ông D không có giấy tờ chứng minh phần đất mà ông cho rằng gia đình khai hoang từ năm 1985 là đất của gia đình ông D.

Ngày 30/3/2022 ông D dựng hàng rào thép gai chiếm thửa đất số 215, 196, 174, tờ bản đồ số 27, bản đồ địa chính xã C đo đạc năm 2014 và trồng một số cây. Đo đạc hiện trạng xác định ông D chiếm 6.696,1m^2 đất (tương đương 0,66 ha) thuộc các thửa đất số 215 (diện tích 6.240,2m^2 loại đất cây lâu năm), thửa số 196 (diện tích 161,2m^2, loại đất BHK), thửa số 174 (diện tích 294,7m^2, loại đất BHK) tờ bản đồ số 27, bản đồ địa chính xã C đo đạc năm 2014. UBND xã C lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông D về hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 4 Điều 23, Điều 24, Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi bổ sung bởi khoản 9 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; và điểm d khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 1322/QĐ-XPVPHC xử phạt ông D về hành vi chiếm 6.696,1m^2 đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn là đúng quy định pháp luật.

Do ông D không chấp hành Quyết định số 1322/QĐ-XPVPHC, ngày 21/4/2022 nên ngày 22/6/2022 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 2062/QĐ-CCVPHC cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 07/9/2022, UBND huyện N và UBND xã C tổ chức cưỡng chế. Tại buổi cưỡng chế không có mặt ông D nhưng có sự chứng kiến của chính quyền xã C, Ban Cán sự và đại diện người dân ở thôn K, sự phối hợp của Đồn Biên phòng L1, Công an huyện N. Do ông D không có mặt để nhận tài sản tại khu vực cưỡng chế nên di chuyển toàn bộ cọc bê tông, cổng, dây thép gai về trụ sở UBND xã C để quản lý, toàn bộ cây cối để tại khu vực cưỡng chế và UBND xã C đã ban hành Thông báo số 41/TB-UBND về việc nhận lại tài sản gửi ông D.

Vì vậy, đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* UBND xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh

có Văn bản số 159/UBND-TP ngày 21/9/2023 trình bày:

+ Về nguồn gốc đất: Theo bản đồ 299 đo đạc năm 1996 thì vị trí khu đất liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính thuộc một phần của thửa đất số 274, tờ bản đồ số 04, diện tích 5,200m^2, loại đất KTCB, chủ sử dụng đất là UBND xã Theo bản đồ địa chính xã C đo đạc năm 2014 thuộc một phần thửa đất số 215, số 196 và số 174, tờ bản đồ số 27 do UBND xã C quản lý, mục đích sử dụng là đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn. Theo quy hoạch sử dụng đất thì vị trí khu đất được quy hoạch là đất ở nông thôn và đã quy hoạch xen đắm đất ở dân cư được UBND huyện N phê duyệt ngày 19/11/2021.

+ Về quá trình sử dụng. Trên các thửa đất tiêu trên có một số cây như bạchdân, cây trăm ... do cán bộ, công chức UBND xã, Hội Nông dân xã C, giáoviên, bảo vệ trường Tiểu học trồng giáp với UBND xã đi qua Trường Mầm non vàkhu vực đất phía sau Trường Tiểu học C trồng từ những năm 2004, 2005 vàmột số cây do tổ ươm cây, cụ thể: Từ những năm 1980 đến năm 2004 diện tích đất này là đất của các thầy cô Trường Tiểu học C sản xuất nông nghiệp. Đến năm 2004 diện tích này được UBND xã giao cho tổ ươm cây của Hội Nông dân xã (Hội đã ươm cây, xây nhả). Đến năm 2007 thì Hội giao lại cho UBND xã và xã đã cho ông Hoàng Quang H, thôn G (thôn K) thuê toàn bộ diện tích đất khu vực đó trồng và ươm cây. Năm 2013, ông H chết thì giao lại cho con trai là anh Hoàng D1. Từ đó đến ngày 13/01/2022, UBND xã ban hành Thông báo số 01/TB-UBND để gia đình anh D1 cùng các hộ di dời cây để trả lại mặt bằng và gia đình anh Hoàng D1 đã chấp hành tốt việc dời cây và trả mặt bằng cho UBND xã.

Ông Nguyễn Văn D không có giấy tờ chứng minh phần đất mà ông chorằng gia đình ông khai hoang từ năm 1985 là đất của gia đình ông và từ trước năm2015 gia đình ông D chưa trồng cây trên diện tích mà ông D cho rằng đấtông khai hoang năm 1985.

+ Về việc xử phạt vi phạm hành chính:

Về nội dung yêu cầu bồi thường tài sản trên đất: Ngày 13/01/2022, UBND xã C ban hành Thông báo số 01/TB-UBND gửi các hộ dân đề nghị tự khai thác, di dời cây cối trên thửa đất số: 215, 196, 174, tờ bản đồ số 27, bản đồ địa chính xã C đo đạc năm 2014 để UBND xã quy hoạch đất ở. Sau khi có thông báo của UBND xã C, ông Nguyễn Văn D có đơn yêu cầu bồi thường tài sản trên đất (cây cối) và công tôn tạo đất; được UBND xã C xác minh, trả lời công dân, khẳng định: Số cây bạch đàn, cây tràm trồng trên đất không phải là cây của gia đình ông Nguyễn Văn D trồng mà do Hội làm vườn, cán bộ, công chức UBND xã C, giáo viên trường Mầm non V trồng từ năm 2004, ông D chỉ trồng một số cây ăn quả sau năm 2021. Như vậy nội dung yêu cầu bồi thường tài sản trên đất (cây cối), công tôn tạo đất không có cơ sở để thực hiện.

Việc xử phạt vi phạm hành chính: Ngày 30/3/2022 ông Nguyễn Văn D dựng

hàng rào thép gai chiếm thửa đất số 215, 196, 174, tờ bản đồ số 27, bản đồ địa chính xã C đo đạc năm 2014 và trồng một số cây. Đo đạc hiện trạng xác định ông Nguyễn Văn D chiếm 6.696, 1m3 đất (tương đương 0,66 ha) thuộc các thửa đất: số 215 (diện tích 6.240,2m loại đất cây lâu năm), thửa số 196 (diện tích 161,2m^2, loại đất BHK), thửa số 174 (diện tích 294,7 m^2, loại đất BHK) tờ bản đồ số 27, bản đồ địa chính xã C đo đạc năm 2014. Sau khi củng cố hồ sơ, UBND xã C lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn D về hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 14, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ và chuyển hồ sơ đề nghị Chủ tịch U vi phạm hành chính.

Căn cứ khoản 4, Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 sửa đổi bởi khoản 9, Điều 1, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; Điều 24; khoản 2, Điều 38, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và điểm d, khoản 2, Điều 14, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì thẩm quyền xử phạt đối với hành vi chiếm 6.696,1m2 đất là của Chủ tịch UBND huyện. Do người vi phạm không chấp hànhQuyết định số 1322/QĐ-XPVPHC ngày 21/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện. Đểbảo đảm thi hành triệt để, ngày 22/6/2022 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyếtđịnh số 2062/QĐ-CCVPHC cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Văn D.

Ngày 07/9/2022, UBND huyện và UBND xã C tổ chức cưỡng chế buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm theo Quyết định số 2062/QĐ-CCXP ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện. Tại buổi cưỡng chế không có mặt ông Nguyễn Văn D nhưng có sự chứng kiến của chính quyền xã C, Ban Cán sự và đại diện người dân ở thôn K, sự phối hợp của Đồn Biên phòng L1, Công an huyện và sự đồng thuận, ủng hộ của người dân. Do ông Nguyễn Văn D không có mặt để nhận tài sản tại khu vực cưỡng chế nên di chuyển toàn bộ cọc bê tông, cổng, dây thép gai về trụ sở UBND xã C để quản lý, toàn bộ cây cối để tại khu vực cưỡng chế. Vào lúc 17h 20 phút ngày 7/9/2022, UBND xã C ban hành Thông báo số 41/TB-UBND về việc nhận lại tài sản gửi ông Nguyễn Văn D. Quá trình cưỡng chế thực hiện đúng theo Quyết định số 2062/QĐ-CCXP ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện.

UBND xã C khẳng định: Về nguồn gốc thửa đất, khu đất ông Nguyễn Văn D kiến nghị thuộc quản lý của UBND xã C, không liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn D. Về tài sản trên đất gồm nhà tạm để đồ vật của Hội làm vườn đã hư hỏng và một số cây như bạch đàn, trảm lâu năm... do CBCC UBND xã C, giáo viên Trường Tiểu học và Mầm non xã C trồng từ những năm 2004, 2005 và do các thành viên tổ ươm cây trồng. Ông Nguyễn Văn D có trồng một số cây ăn quả như chuối, xoài, na, mít ... trồng tự phát sau năm 2021.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC–ST, ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 4 Điều 23, điểm b khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 38, Điều 57, Điều 58, Điều 67, Điều 68, điểm a khoản 1 Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 sửa đổi bổ sung năm 2020; khoản 6 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 3 Điều 5, điểm d khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Điều 7 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về hồ sơ địa chính; xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc đề nghị Tòa án: Hủy Quyết định số 1322/QĐ-XPHC ngày 21/4/2022 và Quyết định số 2062/QĐ-CCXP ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; yêu cầu UBND huyện N bồi thường 250.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn D do hậu quả của Quyết định số 1322/QĐ-XPHC ngày 21/4/2022 và Quyết định số 2062/QĐ-CCXP ngày 22/6/2022 đã gây ra cho ông D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 10 năm 2023, người khởi kiện ông Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Nguyễn Văn D giữ nguyên đơn kháng cáo:

- Ông Nguyễn Văn D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày: Quyết định 1322/QĐ-XPHC ngày 21/4/2022 ban hành là trái pháp luật. Theo khoản 2 Điều 40 Nghị định 91/2014 quy định người có thẩm quyền lập biên bản gồm: Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định tại các Điều 38 và 39 của Nghị định này; mặc dù có việc lập biên bản xử phạt nhưng người lập biên bản không có thẩm quyền nên biên bản xử phạt không hợp pháp. Toàn bộ diện tích đất ông D sử dụng là đất do bố ông D khai hoang từ năm 1985; căn cứ Điều 101 Luật Đất đai, Điều 21 Nghị định 43 thì ông D là người sử dụng đất ổn định, lâu dài và không tranh chấp, có xác nhận của 07 người làm chứng nên đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng và cấp GCNQSDĐ. Ngày 07/5/2022 ông D đã nộp đơn khiếu nại Quyết định số 1322 tới UBND huyện N nhưng không được xem xét, đình chỉ thi hành quyết định nên ngày 22/6/2022 Chủ tịch UBND huyện N ra Quyết định 2062 để thi hành cưỡng chế là trái pháp luật; quyết định này không thể hiện thời gian hoàn thành cưỡng chế; cá nhân, cơ quan có trách nhiệm tổ chức các hoạt động cưỡng chế theo quy định tại Nghị định số 166/2013 nên sai về hình thức và ông D cũng không được giao nhận quyết định nên Chủ tịch UBND huyện N căn cứ vào Quyết định số 1322 để ban hành Quyết định số 2062 về việc cưỡng chế

là trái quy định pháp luật. Trên diện tích đất gia đình ông D khai hoang thì gia đình ông D đã bỏ công sức tôn tạo, đắp đất, trồng cây, xây dựng nhà tạm và trên đất có cây cối đã trồng; UBND huyện N cưỡng chế lấy đất nhưng không xem xét bồi thường là xâm phạm đến quyền lợi của gia đình ông D. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông D, huỷ Quyết định số 1322 và Quyết định số 2062 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; buộc UBND huyện N bồi thường 250.000.000 đồng và trả lại đất khai hoang cho ông Nguyễn Văn D và sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn D là trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn D là trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên toà có mặt người khởi kiện có kháng cáo và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; vắng mặt người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02. Căn cứ ý kiến của đương sự có mặt tại phiên toà và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết:

Ngày 10/02/2023, ông Nguyễn Văn D có đơn khởi kiện yêu cầu huỷ Quyết định số 1322/QĐXPHC ngày 21/4/2022 và Quyết định số 2062/QĐ-CCXP ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh và yêu cầu được bồi thường 250.000.000 đồng. Đây là các yêu cầu đối với quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết và xác định vụ án còn thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật

Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định xử phạt hành chính số 1322/QĐ-XPHC ngày 21/4/2022 và Quyết định cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả số 2062/QĐ-CCXP ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện N:

[2.1.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định bị kiện:

Quyết định xử phạt hành chính số 1322/QĐ-XPHC ngày 21/4/2022 và Quyết định cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả số 2062/QĐ-CCXP ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện N được ban hành là đúng theo Quyết định số 5044/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện N; khoản 6 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 2 Điều 38, 28, 57, 58, 67, 68, 86, 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính, sửa đổi bổ sung năm 2020 và Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ.

[2.1.2] Về nội dung các quyết định bị kiện:

Về nguồn gốc diện tích đất ông Nguyễn Văn D rào thép gai, đóng cột bê tông và trồng cây: Theo hồ sơ 299 đo đạc năm 1986 thuộc một phần các thửa thửa 274, tờ bản đồ 04, diện tích 5.200m^2, loại đất KTCB, chủ sử dụng đất là UBND xã; theo sổ mục kê ruộng đất xã C là thửa 274, tờ bản đồ số 04 bản đồ 299, diện tích 5.200m^2, loại đất KTCB, chủ sử dụng đất là UBND xã; một phần theo bản đồ đo đạc địa chính xã C đo đạc năm 2014 thuộc thửa 196, tờ bản đồ số 27, diện tích 161,2m^2, loại đất BHK, chủ sử dụng là UBND xã C; một phần thuộc thửa 178, tờ bản đồ số 27, diện tích 726,0m^2 chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn T1 (cha đẻ ông D). Một phần thuộc thửa đất 178 đã được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn T1 và một phần thuộc thửa 215 loại đất CLN, chủ sử dụng UBND xã C.

Tại Văn bản số 159/TNMT ngày 09/4/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường UBND huyện N khẳng định các thửa đất số 196, 174, 215 thuộc tờ bản đồ số 27, bản đồ địa chính xã C đo đạc năm 2014 là đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn do UBND xã C quản lý là đúng theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về hồ sơ địa chính.

Ông D cho rằng nguồn gốc diện tích đất bị xử phạt vi phạm hành chính là đất do gia đình ông D khai hoang, phục hóa từ năm 1985 nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh và phần diện tích đất ông D sử dụng chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; các giấy xác nhận của các công dân cư trú tại địa phương nơi ông D cư trú do ông D nộp không phải là giấy tờ, chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật nên ý kiến trình bày của ông D

là không có cơ sở chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 18/7/2023 cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định hiện trạng thửa đất không có công trình xây dựng trên đất, không có cây cối, chỉ có một số loại cỏ mọc hoang; ông D xác định Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định đúng vị trí thửa đất nhưng ông D không xác định được thuộc thửa đất số bao nhiêu vì đó là đất hoang.

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 11/4/2022 của UBND xã C và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1322/QĐXPHC ngày 21/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện N thì ông D đã có hành vi vi phạm hành chính là: "Chiếm 6.696m^2 đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất khu vực nông thôn (tương đương 0,66ha) thuộc các thửa đất số 215 (diện tích 6.240,3m^2, loại đất CLN), thửa số 196 (diện tích 161,2m^2 loại đất BHK), thửa số 174 (diện tích 294,7m^2 loại đất BHK) thuộc tờ bản đồ số 27 bản đồ địa chính xã C năm 2014 do UBND xã quản lý" nên ông D bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất đã chiếm, phạt tiền 40.000.000 đồng là đã thực hiện đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 23, điểm b khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 sửa đổi bổ sung năm 2020; khoản 3 Điều 5, điểm đ khoản 1 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019.

Do ông Nguyễn Văn D không chấp hành Quyết định số 1322/QĐ-XPVPHC ngày 21/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện N nên ngày 22/6/2022 Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 2062/QĐ-CCVPHC cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông D là đúng theo quy định tại các Điều 28, 86, 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020 và Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[2.2] Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường:

Như đã phân tích tại mục [2.1], các Quyết định số 1322/QĐ-XPHC ngày 21/4/2022 và Quyết định số 2062/QĐ-CCXP ngày 22/6/2022 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh được ban hành và việc UBND xã C thực hiện việc cưỡng chế là đúng pháp luật; các tài sản của gia đình ông D trên đất lấn chiếm trái phép đã được lực lượng cưỡng chế lập biên bản kiểm đếm, được lưu giữ và thông báo cho gia đình ông D nhận theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Do đó, ông D yêu cầu UBND huyện N bồi thường 250.000.000 đồng do hậu quả của việc xử phạt hành chính và cưỡng chế hành chính và yêu cầu được trả lại đất theo ông D trình bày do gia đình khai hoang là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Với những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn D; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn D phải

chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn D; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC–ST, ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000601 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Hà Tĩnh;*
- *VKSND tỉnh Hà Tĩnh;*
- *Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HSVA, VP, HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng